

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ATHENA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ATHENA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ATHENA EDUCATION CONSULTANT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ATHENA EDUCATION.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107984652

3. Ngày thành lập: 01/09/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 3/1/104, ngõ 364, đường Giải Phóng, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	In ấn	1811
2.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
3.	Đúc sắt, thép	2431
4.	Đúc kim loại màu	2432
5.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
6.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
7.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
8.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
9.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
10.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
11.	Bán mô tô, xe máy	4541
12.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
13.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
14.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
15.	Bán buôn gạo	4631
16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
18.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
19.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
20.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
21.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511

22.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
23.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
24.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
25.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
26.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
27.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
28.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
29.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
30.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
31.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6329
32.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
33.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
34.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế nội- ngoại thất công trình; - Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện - cơ điện công trình; Thiết kế cấp - thoát nước; Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy - chữa cháy;	7110
35.	Quảng cáo	7310
36.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
37.	Giáo dục mầm non	8510
38.	Giáo dục tiểu học	8520
39.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
40.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
41.	Đào tạo đại học và sau đại học	8542
42.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
43.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
44.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
45.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
46.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
47.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
48.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
49.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230

50.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
51.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Đào tạo ngoại ngữ; Đào tạo kỹ năng sống	8559(Chính)
52.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
53.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
54.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
55.	Đào tạo cao đẳng	8541
56.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
57.	Bán buôn tổng hợp	4690
58.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
59.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
60.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
61.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
62.	Xuất bản phần mềm	5820
63.	Lập trình máy vi tính	6201
64.	Sản xuất sợi	1311
65.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
66.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
67.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
68.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
69.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
70.	Tái chế phế liệu	3830
71.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
72.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
73.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
74.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
75.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
76.	Cho thuê xe có động cơ	7710
77.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
78.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
79.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
80.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512

81.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	9521
82.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Dịch vụ viễn thông cơ bản bao gồm: Dịch vụ thoại; Dịch vụ fax; Dịch vụ truyền số liệu; Dịch vụ nhắn tin; Dịch vụ kết nối Internet; - Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng bao gồm: Dịch vụ thư điện tử; Dịch vụ thư thoại; Dịch vụ fax gia tăng giá trị; Dịch vụ truy nhập Internet	6190
83.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
84.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
85.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
86.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
87.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
88.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
89.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
90.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
91.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
92.	Đại lý du lịch	7911
93.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
94.	Điều hành tua du lịch	7912
95.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
96.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
97.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
98.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
99.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
100.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
101.	Sao chép bản ghi các loại	1820
102.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
103.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

6. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VŨ THỊ THU TRANG	Thôn Bình Lục Thượng, Xã Hồng Phong, Thị xã Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	30.000.000	2,000	101283280	
			Tổng số	3.000	30.000.000	2,000		
2	PHẠM THỊ LAN HƯƠNG	Số 14, ngõ 248, đường Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	600.000.000	40,000	0191800000 02	
			Tổng số	60.000	600.000.000	40,000		
3	HÀ QUẾ ANH	Khu 2, Xã Ninh Dân, Huyện Thanh Ba, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	87.000	870.000.000	58,000	131169411	
			Tổng số	87.000	870.000.000	58,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM THỊ LAN HƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 01/06/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 019180000002

Ngày cấp: 19/10/2012

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 14, ngõ 248, đường Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 14, ngõ 248, đường Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội